

Số: 5134 /STC-THQH

Hưng Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2026

V/v rà soát phân cấp quản lý nhà nước
nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội
trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 4065/UBND-TH ngày 01/7/2026 về việc rà soát phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước đối với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Để phục vụ cuộc họp Ủy ban nhân dân tỉnh do đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, Sở Tài chính báo cáo nội dung như sau:

1. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 3059/UBND-TH ngày 27/5/2026 và số 3723/UBND-TH ngày 19/6/2026¹, Sở Tài chính đã có các văn bản số 2901/STC-THQH ngày 28/5/2026, số 2928/STC-THQH ngày 29/5/2026, số 3031/STC-THQH ngày 02/6/2026, số 3264/STC-THQH ngày 10/6/2026 và số 3563/STC-THQH ngày 22/6/2026 đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị (gọi tắt là các đơn vị) căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật hiện hành để rà soát, đề xuất nội dung phân cấp và tham gia ý kiến về phương án phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý. Trên cơ sở báo cáo rà soát và ý kiến tham gia của các đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp và hoàn thiện Phương án tổng thể về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 593/BC-STC ngày 15/6/2026 và Báo cáo số 625/BC-STC ngày 23/6/2026.

2. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 4065/UBND-TH ngày 01/7/2026², Sở Tài chính đã dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và có Văn bản số 3909/STC-THQH ngày 03/7/2026 đề nghị các đơn vị nghiên cứu tham gia ý kiến đối với dự thảo. Đến ngày 15/7/2026, Sở Tài chính đã nhận được văn bản tham gia của 51 đơn vị, trong đó, Sở Tư pháp³ có ý kiến: *Tại dự thảo và phụ lục chưa xác định rõ nội dung nào là phân cấp thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nội dung nào là quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý... Hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật trong đó đã quy định phân cấp thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã... Đề nghị rà soát và chỉ đưa vào dự thảo các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh mà chưa phân cấp trong các văn bản quy phạm pháp luật khác của Ủy ban nhân dân tỉnh để tránh trùng lặp...; không tham mưu ban hành văn bản quy phạm*

¹ Về xây dựng, rà soát phương án tổng thể phân cấp quản lý các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

² Về việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

³ Văn bản số 1298/STP-VBQPPL ngày 14/7/2026 của Sở Tư pháp

pháp luật quy định lại mang tính chất thống kê, liệt kê thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Căn cứ ý kiến của Sở Tư pháp và để bảo đảm chất lượng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định của pháp luật, Sở Tài chính đã có Văn bản số 4278/STC-THQH ngày 16/7/2026 đề nghị các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao: (1) Rà soát, thống kê đầy đủ nội dung về thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh, cấp xã theo quy định pháp luật hiện hành (quy định của trung ương và của tỉnh) đối với các ngành, lĩnh vực do đơn vị quản lý; (2) Đề xuất nội dung thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã (nội dung chưa được phân cấp, phân quyền tại các văn bản quy phạm pháp luật khác của Ủy ban nhân dân tỉnh) đối với các ngành, lĩnh vực do đơn vị quản lý; (3) Rà soát, thống kê danh mục các văn bản quy phạm pháp luật mà đơn vị đã và đang tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc các ngành, lĩnh vực do đơn vị quản lý.

Đến hết ngày 28/7/2026, Sở Tài chính nhận được văn bản báo cáo rà soát của 13 đơn vị⁴ và tổng hợp kết quả như sau:

- Về thống kê thẩm quyền quản lý: Các đơn vị rà soát, thống kê thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh và cấp xã theo quy định pháp luật hiện hành (*luật, nghị định, thông tư... của trung ương và các quy định của tỉnh*) đối với 46 ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

- Về đề xuất nội dung phân cấp cho cấp xã: Hầu hết các đơn vị không đề xuất bổ sung các nội dung phân cấp, phân quyền quản lý cho cấp xã; chỉ có Sở Nội vụ và Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất 02 nội dung phân cấp thuộc lĩnh vực quản lý viên chức và quản lý đề điều (*Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*).

- Về thống kê văn bản của tỉnh đã ban hành về phân cấp: Các đơn vị thống kê các văn bản đã và đang tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, trong đó có nội dung phân cấp quản lý đối với một số ngành, lĩnh vực (*Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo*).

Như vậy, các đơn vị chủ yếu thống kê, liệt kê thẩm quyền quản lý nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành⁵ và thống kê các văn bản của tỉnh đã ban hành có quy định về phân cấp quản lý của một số ngành, lĩnh vực⁶, không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp cho cấp xã⁷.

⁴ Gồm: Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Sở Tư pháp; Sở Nội vụ; Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 01; Thanh tra tỉnh; Thuế tỉnh; Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh;

⁵ Bao gồm 46 ngành, lĩnh vực: Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Đầu tư; Tài chính, ngân sách, tài sản công; Kết cấu hạ tầng giao thông; Vận tải; Quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị; Thẩm định công trình xây dựng; Quản lý chất lượng công trình; Quản lý vật liệu xây dựng; Quản lý nhà, thị trường bất động sản; Công nghiệp, Năng lượng; Thương mại; Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Đất đai, tài nguyên khoáng sản; Môi trường, Cấp nước sạch; Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; Chuyển đổi số, bưu chính, viễn thông; Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp; Y tế và chăm sóc sức khỏe; Dân số và trẻ em; Bảo trợ xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội; An toàn thực phẩm; Văn hóa; Thể thao; Du lịch; Xây dựng đời sống văn hóa và gia đình; Thông tin, báo chí và xuất bản; Tổ chức bộ máy; Quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Quản lý vị trí việc làm; Người có công; Lao động và việc làm; Quản lý về hội, quỹ; Công tác thi đua - khen thưởng; Chính quyền địa phương; Dân tộc và tôn giáo; Hành chính tư pháp; Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Tổ chức thi hành pháp luật; Phổ biến, giáo dục pháp luật; Pháp chế; Hỗ trợ tư pháp; Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

⁶ Bao gồm các lĩnh vực: Quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công; Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông; Quản lý quy hoạch, kiến trúc, phát triển đô thị; Quản lý hoạt động xây dựng; Quản lý chợ; Quản lý, giao khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi; Quản lý đất đai; Quản lý cấp nước sạch; Quản lý an toàn thực phẩm; Quản lý di tích, di vật, cổ vật bảo vật quốc gia; Quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ công chức, vị trí việc làm; Công tác thi đua, khen thưởng...

3. Qua nghiên cứu, tham khảo tại một số địa phương, Sở Tài chính thấy rằng, ngày 26/9/2025, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội (có văn bản gửi kèm theo); trong đó quy định về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý giữa Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã trong một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, gồm các lĩnh vực: *Đường bộ; chiếu sáng công cộng; công viên, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ; thoát nước đô thị và xử lý nước thải; cấp nước sạch; thủy lợi; đê điều; quản lý rừng; khoa học công nghệ; giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao và thông tin truyền thông; y tế; nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; quản lý chợ; bến xe ô tô, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm đón, trả khách, vận tải hành khách tuyến cố định và vận tải hành khách công cộng; quản lý, xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; quản lý chất thải rắn; du lịch.*

Đối với tỉnh Hưng Yên, qua tổng hợp báo cáo của các đơn vị, hiện có một số ngành, lĩnh vực đã và đang tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có quy định phân cấp thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh (như Phụ lục 3 kèm theo). Do vậy, ngày 05/8/2026 Sở Tài chính đã có Văn bản số 4853/STC-THQH đề nghị Sở Tư pháp cho ý kiến về việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về việc phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (tương tự Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)... và việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định. Ngày 06/08/2026, Sở Tư pháp có Văn bản số 1488/STP-VBQPPL, trong đó có ý kiến: *Ủy ban nhân dân tỉnh được ban hành văn bản quy phạm pháp luật để phân cấp một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật... Đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp với các sở: Xây dựng, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công thương, Y tế... để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phù hợp, đảm bảo tính khả thi của văn bản và thuận lợi cho công tác kiểm tra, rà soát văn bản ngay sau khi có căn cứ rà soát để kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ) văn bản đảm bảo không có khoảng trống trong áp dụng pháp luật, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định... Đề nghị căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nội dung dự thảo quyết định để xem xét dự thảo văn bản thuộc trường hợp nào để quy định cho phù hợp.*

4. Qua các báo cáo rà soát, các đơn vị chủ yếu thông kê, liệt kê thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh, cấp xã theo quy định pháp luật hiện hành của trung ương và của tỉnh, không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh cho cấp xã (chỉ có 02 đơn vị đề xuất 02 lĩnh vực); do vậy, khó khăn trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tổng thể về phân cấp quản lý các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

⁷ Chỉ có Sở Nội vụ đề xuất nội dung phân cấp việc tuyển dụng và sử dụng viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã; Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất phân cấp quản lý, bảo vệ đê điều đối với các tuyến đê cấp IV, cấp V và các tuyến đê bồi chưa được phân cấp (nếu có); tuyển đề và công trình phân lũ trên địa bàn cấp xã.

Ngày 12/8/2026, Sở Tài chính tổ chức cuộc họp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan để thống nhất nội dung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ ý kiến của Sở Tư pháp (tại văn bản số 1298/STP-VBQPPL ngày 14/7/2026 và số 1488/STP-VBQPPL ngày 06/8/2026) và ý kiến của các ngành tại cuộc họp ngày 12/8/2026, để có cơ sở tham mưu ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (tương tự Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội), Sở Tài chính báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo:

4.1. Các sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật hiện hành⁸:

- Rà soát, báo cáo đề xuất các nội dung phân cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp xã đối với ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý theo quy định (bao gồm cả những nội dung phân cấp đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác của Ủy ban nhân dân tỉnh); trong đó, phải nêu rõ nội dung thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh⁹, cấp xã sau khi thực hiện phân cấp và căn cứ, cơ sở pháp lý đề xuất nội dung phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp xã (nêu rõ điều, khoản quy định về việc thực hiện phân cấp).

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính, Sở Tư pháp trong việc xây dựng và hoàn thiện hồ sơ dự thảo trình thẩm định, ban hành quyết định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (các đơn vị xây dựng các nội dung: Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật liên quan đến nội dung dự kiến phân cấp kèm theo phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Bản so sánh, thuyết minh các nội dung dự kiến phân cấp; Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp (nếu có) đối với các lĩnh vực đề xuất phân cấp quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và theo các mẫu số 08, 12 và 06 kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

4.2. Trên cơ sở báo cáo đề xuất của các đơn vị, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở (để P/h);
- Lưu: VT, THQH^{Hg, Qg}.

GIÁM ĐỐC

Ký bởi: SỞ TÀI CHÍNH
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG
YÊN
Thời gian ký: 13/08/2026 16:34:54



[Handwritten signature]

Đức Tãi

⁸ Các đơn vị nghiên cứu, tham khảo các nội dung quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025.

⁹ Bao gồm thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị thuộc tỉnh theo quy định.

**Phụ lục 1: THỐNG KÊ THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA CẤP TỈNH VÀ CẤP XÃ ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC
THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (QUY ĐỊNH CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ QUY ĐỊNH CỦA TỈNH)**

(Kèm theo Văn bản số /STC-THQH ngày /8/2026 của Sở Tài chính)

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
1	Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	- Quản lý nhà nước đối với quy hoạch tỉnh (lập, phê duyệt, công bố quy hoạch; điều chỉnh quy hoạch (nếu có); tổ chức thực hiện quy hoạch; theo dõi, kiểm tra, giám sát; báo cáo theo quy định). - Quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của tỉnh (xây dựng kế hoạch; đề xuất các giải pháp; tổ chức, điều hành triển khai thực hiện; theo dõi, kiểm tra, giám sát; tổng hợp báo cáo theo quy định).	- Phối hợp trong công tác lập quy hoạch tỉnh; thực hiện quản lý địa bàn và triển khai thực hiện đồng bộ các nội dung, nhiệm vụ quy hoạch tỉnh được giao trên địa bàn - Quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp xã (xây dựng kế hoạch; đề xuất các giải pháp; tổ chức, điều hành triển khai thực hiện; theo dõi, kiểm tra, giám sát thực hiện; tổng hợp báo cáo theo quy định).	Luật Quy hoạch 112/2025/QH15; Nghị định số 70/2026/NĐ-CP; Các nghị quyết, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của trung ương về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Tài chính
2	Đầu tư	- Quyết định phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của địa phương. - Phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công vốn sử dụng NSDP thuộc tỉnh quản lý; dự án nhóm A sử dụng vốn NSDP các cấp; dự án thực hiện trên địa bàn 02ĐVHC cấp tỉnh trở lên do UBND tỉnh là cơ quan chủ quản; dự án sử dụng toàn bộ vốn NSDP hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chi của NSTW; dự án nhóm B, C sử dụng vốn NSDP, vốn ODA... - Quyết định đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý theo quy định. - Quản lý nhà nước hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của tỉnh. - Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án do tỉnh quản lý; thẩm tra quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phương án do cấp tỉnh phê duyệt. - Quản lý dự án đầu tư PPP thuộc thẩm quyền (phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư; chấm dứt hợp đồng; kiểm tra, giám sát; tổng hợp, báo cáo... theo quy định.) - Quản lý dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh (chấp thuận chủ trương/ cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; theo dõi, kiểm tra, giám sát dự án; tổng hợp báo cáo... theo quy định). - Quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.	- Quyết định phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm ngân sách địa phương cấp xã quản lý. - Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C sử dụng vốn NSDP thuộc cấp mình quản lý; dự án nhóm B, C thực hiện trên địa bàn từ 02 ĐVHC cấp xã trở lên được giao UBND cấp xã là cấp quyết định chủ trương đầu tư. - Quyết định đầu tư các công trình, dự án đầu tư công thuộc cấp xã quản lý và được ủy quyền. - Quản lý nhà nước hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của cấp xã. - Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án cấp xã quản lý; thẩm tra, quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phương án do cấp xã phê duyệt. - Thực hiện trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền, ký kết hợp đồng đối với dự án PPP theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP và được phân cấp. - Phối hợp quản lý dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn (cung cấp thông tin, tham gia thẩm định; kiểm tra, giám sát; tổng hợp báo cáo... trên địa bàn); hỗ trợ nhà đầu tư triển khai và giám sát cộng đồng các dự án trên địa bàn.	Luật Đầu tư công; Luật Đầu tư; Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức PPP Luật Quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP; Nghị định số 243/2025/NĐ-CP; Nghị định số 193/2026/NĐ-CP; Nghị định số 96/2026/NĐ-CP; Nghị định số 115/2026/NĐ-CP,	Sở Tài chính
3	Tài chính, ngân sách, tài sản công	- Quản lý, điều hành NSDP trên địa bàn tỉnh; phân cấp nguồn thu trên địa bàn tỉnh; phân bổ dự toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị. - Quy định phân cấp nguồn thu (các khoản thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100%, các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã), nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh và tỷ lệ % phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Hưng Yên. - Quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh; trực tiếp quản lý tài sản công của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh. - Quản lý quỹ dự trữ tài chính; quản lý vay, trả nợ chính quyền địa phương theo quy định, - Công khai ngân sách và quyết toán ngân sách địa phương.	- Lập dự toán và quản lý, điều hành ngân sách cấp xã; quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước theo phân cấp; quản lý thu, chi ngân sách cấp xã; quyết định phân bổ dự toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp xã. - Quy định phân cấp nguồn thu (các khoản thu ngân sách cấp xã được hưởng 100%, các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã), nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã và tỷ lệ % phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh. - Quản lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị cấp xã và các tài sản được giao theo phân cấp. - Công khai ngân sách và quyết toán ngân sách cấp xã.	Luật NSNN số 89/2025/QH15; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; Nghị định số 73/2026/NĐ-CP; Thông tư số 26/2026/TT-BT; Các nghị quyết, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của trung ương về lĩnh vực tài chính, ngân sách, tài sản công.	Sở Tài chính

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
4	Kết cấu hạ tầng giao thông	Quản lý hệ thống giao thông đường quốc lộ, đường tỉnh, đường tỉnh trong đô thị được giao quản lý. - Quản lý đường tỉnh, quốc lộ được giao, hệ thống biển báo giao thông, kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý. - Quản lý hệ thống chiếu sáng trên các cầu, hệ thống chiếu giao thông được giao quản lý. - Quản lý luồng đường thủy nội địa và cảng, khu neo đậu trên tuyến đường thủy nội địa địa phương. - Công bố hoạt động cảng thủy, khu neo đậu trên tuyến đường thủy nội địa địa phương. - Quản lý công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý; tổ chức kiểm tra và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.	- Quản lý các tuyến đường xã, đường trục thôn, đường nội đồng; vỉa hè, rãnh dọc thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh và hạ tầng giao thông được giao trên địa bàn. - Quản lý hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống nước thải thuộc phạm vi quản lý hoặc được giao quản lý. - Phối hợp quản lý hoạt động bến thủy nội địa, bến khách ngang sông trên địa bàn. - Công bố hoạt động bến thủy nội địa, bến khách ngang sông trên địa bàn (gồm tuyến đường thủy nội địa quốc gia và đường thủy nội địa địa phương). - Quản lý trật tự xây dựng, hành lang giao thông, hành lang hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn; kiểm tra, phát hiện và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.	Luật Đường bộ; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Luật Giao thông đường thủy nội địa; Nghị định số 165/2024/NĐ-CP; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP; Nghị định số 08/2021/NĐ-CP; Nghị định số 12/2025/NĐ-CP; Nghị định số 168/2024/NĐ-CP; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP; Nghị định số 139/2021/NĐ-CP; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP; Nghị định số 16/2026/NĐ-CP; Nghị định số 86/2025/NĐ-CP; Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT; Quyết định 18/2026/QĐ-UBND; Quyết định 11/2026/QĐ-UBND; Quyết định 2/2025/QĐ-UBND.	Sở Xây dựng
5	Vận tải	- Quản lý hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, đường thủy nội địa; quản lý bến xe khách, điểm đỗ xe taxi, điểm đón trả khách trên địa bàn tỉnh. - Quản lý công tác đăng kiểm, kiểm định phương tiện giao thông theo quy định; quản lý công tác cấp phép lưu hành cho phương tiện cơ giới đường bộ thuộc phạm vi quản lý. - Quản lý hoạt động đào tạo, cấp giấy phép, chứng nhận, chứng chỉ chuyên ngành thuộc thẩm quyền; quản lý đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. - Quản lý hoạt động hàng hải, đường thủy chuyên ngành; vận tải hàng hải, đường thủy nội địa trên địa bàn: + Đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người. + Đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người.	Quản lý hoạt động vận tải hàng hải, đường thủy nội địa trên địa bàn: - Đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý. - Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi giải trí dưới nước.	Luật Đường bộ; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ Luật Giao thông đường thủy nội địa; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP; Thông tư số 09/2025/TT-BXD.	Sở Xây dựng

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
6	Quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị	- Quản lý thống nhất công tác quy hoạch đô thị, nông thôn và quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh. - Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch đô thị, nông thôn thuộc thẩm quyền; quản lý việc thực hiện quy hoạch theo quy định. - Phê duyệt danh mục công trình kiến trúc có giá trị; ban hành Quy chế quản lý kiến trúc thuộc thẩm quyền. - Kiểm tra, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh.	- Tổ chức lập, trình phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh cục bộ các đồ án quy hoạch đô thị, nông thôn thuộc thẩm quyền. - Tổ chức quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị, nông thôn và quản lý kiến trúc theo phân cấp. - Ban hành Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn thuộc phạm vi quản lý theo quy định. - Tổ chức cắm mốc giới, quản lý mốc giới và cung cấp thông tin quy hoạch thuộc phạm vi quản lý.	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Luật Kiến trúc; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP; Nghị định số 145/2025/NĐ-CP; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP; Quyết định số 1224/QĐ-UBND; Quyết định số 1557/QĐ-UBND; Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND; Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND.	Sở Xây dựng
7	Thẩm định công trình xây dựng	- Thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với công trình thuộc thẩm quyền theo quy định. - Cấp phép xây dựng đối với công trình thuộc thẩm quyền; - Thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về quản lý chất lượng công trình..."	- Thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với các công trình, dự án do UBND cấp xã quyết định đầu tư. - Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp III, cấp IV, công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn theo thẩm quyền. - Quản lý trật tự xây dựng các công trình xây dựng trên địa bàn theo thẩm quyền. - Thực hiện quản lý chất lượng công trình đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo thẩm quyền và được phân cấp; phối hợp quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh trên địa bàn"	Luật Xây dựng; Nghị định số 207/2026/NĐ-CP; Nghị định số 217/2026/NĐ-CP; Quyết định 38/2026/QĐ-UBND; Quyết định 06/2026/QĐ-UBND.	Sở Xây dựng
8	Quản lý chất lượng công trình	Thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền	Thực hiện quản lý chất lượng công trình đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo thẩm quyền và được phân cấp; phối hợp quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh trên địa bàn	Luật Xây dựng; Nghị định 207/2026/NĐ-CP; Quyết định 38/2026/QĐ-UBND.	Sở Xây dựng
9	Vật liệu xây dựng	- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (công bố giá vật liệu, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng...). - Quản lý định mức xây dựng trên địa bàn tỉnh. - Quản lý đơn giá bồi thường nhà, nhà ở, công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. - Quản lý hành nghề xây dựng trên địa bàn. - Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, sử dụng vật liệu xây dựng mới trên địa bàn tỉnh. - Quản lý cơ sở dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. - Quản lý định mức, giá dịch vụ công ích và hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh. - Quản lý nhà nước về giá các dịch vụ do Nhà nước định giá theo phân cấp thuộc lĩnh vực xây dựng.	- Phối hợp cung cấp thông tin giá vật liệu xây dựng, nhân công, tình hình thị trường xây dựng tại địa phương phục vụ công bố giá và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Tổ chức áp dụng định mức xây dựng, giá bồi thường theo quy định. - Phối hợp xác minh thông tin tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng; phối hợp quản lý hoạt động hành nghề kiến trúc; phối hợp kiểm tra, theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn. - Cung cấp thông tin quản lý cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng; phối hợp quản lý chất lượng vật liệu xây dựng trên địa bàn. - Tổ chức thực hiện và phối hợp quản lý giá dịch vụ công ích và hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn.	Luật Xây dựng; Luật Giá; Nghị định số 206/2026/NĐ-CP; Nghị định số 209/2026/NĐ-CP; Nghị định số 212/2026/NĐ-CP; Quyết định số 37/QĐ-BXD; Quyết định số 38/QĐ-BXD; Quyết định số 39/QĐ-BXD; Quyết định 153/2025/QĐ-UBND; Quyết định 44/2024/QĐ-UBND; Quyết định số 2385/QĐ-UBND.	Sở Xây dựng

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
10	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	- Quản lý phát triển nhà ở (trừ nhà ở riêng lẻ) trên địa bàn tỉnh. - Quản lý nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh. - Quản lý nhà ở thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh. - Quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh. - Quản lý cho thuê, thuê mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; quản lý sở hữu nhà ở của tổ chức, cá nhân nước ngoài. - Quản lý kinh doanh bất động sản, chuyển nhượng bất động sản; quản lý điều hành sản giao dịch bất động sản; quản lý hoạt động hành nghề bất động sản trên địa bàn tỉnh (Kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, quản lý điều hành sản giao dịch bất động sản; thực hiện việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn; thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép hoạt động Sản giao dịch bất động sản, cấp lại Giấy phép hoạt động Sản giao dịch bất động sản). - Quản lý dữ liệu nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.	- Phối hợp quản lý nhà ở trên địa bàn. - Phối hợp quản lý nhà ở xã hội trên địa bàn. - Phối hợp quản lý các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn. - Phối hợp quản lý nhà ở thuộc tài sản công trên địa bàn. - Phối hợp quản lý vận hành nhà chung cư; quản lý giao dịch nhà ở trên địa bàn. - Phối hợp quản lý cho thuê, thuê mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; quản lý sở hữu nhà ở của tổ chức, cá nhân nước ngoài. - Quản lý kinh doanh bất động sản, chuyển nhượng bất động sản; quản lý sản giao dịch và môi giới bất động sản trên địa bàn. - Quản lý dữ liệu nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn.	Luật Nhà ở; Luật kinh doanh bất động sản; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP; Nghị định số 192/2025/NĐ-CP; Nghị định số 95/2024/NĐ-CP; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.	Sở Xây dựng
11	Công nghiệp	- Quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. - Quản lý lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột) và các loại thực phẩm khác theo quy định của pháp luật. - Quản lý hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên địa bàn tỉnh theo quy định. - Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, tổ chức kinh tế tập thể (bao gồm cả ngành nghề, làng nghề, cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã) thuộc lĩnh vực công thương. - Xây dựng cơ chế chính sách, chương trình, kế hoạch về phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh. - Cấp giấy xác nhận ưu đãi đối với các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn theo quy định của pháp luật. - Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; quản lý các hoạt động dầu khí trên địa bàn tỉnh. - Thực hiện công tác quản lý về khí (LPG, LNG, CNG); mỏ, khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.	- Phối hợp quản lý cụm công nghiệp thuộc địa bàn; hỗ trợ chủ đầu tư triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; tiếp nhận, giải quyết kiến nghị và kiểm tra, xử lý vi phạm của các doanh nghiệp trên địa bàn theo thẩm quyền. - Thực hiện xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn theo phân cấp. - Thực hiện quản lý một số hoạt động hóa chất trên địa bàn theo thẩm quyền được phân cấp. - Thực hiện quản lý sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn theo phân cấp. - Phối hợp quản lý thực hiện một số nhiệm vụ được phân cấp trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quản lý hoạt động dầu khí trên địa bàn.	Luật Hóa chất số 69/2025/QH15; Nghị định số 25/2026/NĐ-CP; Nghị định số 26/2026/NĐ-CP; Nghị định số 181/2024/NĐ-CP; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP; Nghị định số 32/2024/NĐ-CP; Nghị định số 139/2025/NĐ-CP.	Sở Công thương

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
12	Năng lượng	- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển điện lực và phương án phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn tỉnh. - Cấp, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực; cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia; thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đầu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp từ trung áp trở lên; phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp; chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện...	- Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về quản lý năng lượng trên địa bàn. Tuyên truyền các quy định về giá bán điện và kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ về thực hiện giá bán lẻ điện tại các địa điểm cho thuê nhà thuộc địa bàn quản lý và xử lý vi phạm theo quy định. - Thực hiện thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đầu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp.	Luật Điện lực số 61/2024/QH15; Nghị định số 61/2025/NĐ-CP; Nghị định số 139/2025/NĐ-CP; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP; Nghị định số 243/2026/NĐ-CP; Nghị định số 56/2025/NĐ-CP; Nghị định số 57/2025/NĐ-CP; Nghị định số 58/2025/NĐ-CP Nghị quyết số 253/2025/QH15;	Sở Công thương
13	Thương mại	- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, chương trình, kế hoạch, cơ chế chính sách, nhiệm vụ và các nội dung khác về quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh theo quy định. - Quản lý hoạt động mua bán hàng hóa và hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền. - Quản lý hạ tầng thương mại và hoạt động thương mại điện tử. - Quản lý hoạt các động xuất khẩu, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền. Quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh. - Quản lý hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh (quy hoạch, cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện kinh doanh bán lẻ xăng dầu; kiểm tra và xử lý các vi phạm theo quy định...)	- Quản lý nhà nước về hoạt động của các chợ trên địa bàn, không phân biệt quy mô chợ (quản lý chợ, quản lý hoạt động kinh doanh tại chợ, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư...). - Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn - Phối hợp quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, - Phối hợp quản lý và thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp trong công tác quản lý các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn (kiểm tra, cấp các loại giấy phép để phục vụ hoạt động kinh doanh của cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn...).	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP; Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP; Nghị định số 31/2028/NĐ-CP; Nghị định số 52/2013/NĐ-CP; Nghị định số 85/2021/NĐ-CP; Nghị định số 07/2016/NĐ-CP; Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP, Nghị quyết số 66.18/NQ-CP; Quyết định 05/2026/QĐ-UBND.	Sở Công thương
14	Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp	- Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. - Quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn tại địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp thuộc thẩm quyền (quy hoạch chung khu kinh tế, quy hoạch phân khu, chi tiết, quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính từ 02 xã trở lên trong khu kinh tế...). - Quản lý xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế (thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi; cấp phép xây dựng; kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng; quản lý chất lượng công trình; quản lý trật tự xây dựng...). Quản lý doanh nghiệp, lao động trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo thẩm quyền. - Quản lý công tác bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo thẩm quyền (xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chiến lược, kế hoạch, chương trình bảo vệ môi trường; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư theo quy định, quản lý chất thải trên địa bàn, quy định về phân loại, định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt...).	- Phối hợp quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn. - Phối hợp quản lý quy hoạch khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc địa bàn quản lý. - Phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn (phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính, thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính...). - Quản lý công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn theo thẩm quyền (ban hành văn bản, chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường; quản lý hoạt động bảo vệ môi trường tại các hộ gia đình, cá nhân; tổ chức giữ gìn vệ sinh, cải tạo cảnh quan nông thôn; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát việc bảo vệ môi trường; kiểm tra việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xử lý hành vi vi phạm về quản lý rác thải sinh hoạt theo thẩm quyền...).	Luật Quy hoạch đô thị nông thôn; Luật Xây dựng; Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP; Quyết định 35/2026/QĐ-UBND.	Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp; Ban Quản lý các khu công nghiệp

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
15	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	- Quản lý, bảo vệ rừng; bảo tồn đa dạng sinh học rừng; phòng cháy rừng; phát triển rừng trên địa bàn tỉnh; - Quản lý, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (đối với cơ sở thuộc diện phải cấp giấy, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cấp tỉnh cấp hoặc tương đương). - Quản lý sản phẩm OCOP cấp tỉnh: đánh giá, phân hạng, công nhận, thu hồi giấy chứng nhận; kiểm tra giám sát sản phẩm OCOP của tỉnh; - Cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại; ban hành Bộ tiêu chí của tỉnh để các địa phương áp dụng; ban hành cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với thực tiễn của tỉnh; công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại). - Quản lý các công trình thủy lợi liên quan đến 02 tỉnh trở lên theo phân giao của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh (trừ công trình phân cấp cho cấp xã quản lý); xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình quản lý; giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi liên quan đến các công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý. - Quản lý và bảo vệ đề điều, các tuyến đê từ đê cấp III đến đê cấp đặc biệt trên địa bàn tỉnh. - Quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn; thẩm định hồ sơ, công nhận và thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh theo quy định. - Xây dựng, triển khai kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc các địa phương tổ chức thực hiện; tổng hợp, báo cáo kết quả theo quy định.	- Kiểm soát giết mổ tại cơ sở giết mổ trên địa bàn. - Quản lý, bảo vệ rừng; bảo tồn đa dạng sinh học; phòng cháy rừng; phát triển rừng trên địa bàn (nếu có). - Quản lý, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn theo quy định. - Đăng ký sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn. - Thực hiện bộ tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại; vận dụng cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng tại địa phương; báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. - Quản lý công trình thủy lợi do tổ chức thủy lợi cơ sở trực tiếp quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi nội đồng; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với công trình được phân cấp; giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi liên quan đến các công trình thủy lợi do cấp xã quản lý. - Lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định. Thực hiện quản lý nhà nước đối với nghề, làng nghề truyền thống đã công nhận theo quy định. - Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; tổng hợp, báo cáo theo quy định. - Hướng dẫn, phổ biến tiêu chí kinh tế trang trại; theo dõi, cập nhật biến động về trang trại; lập sổ theo dõi phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn; thực hiện báo cáo về kinh tế trang trại.	Luật Thú y; Luật Lâm nghiệp; Luật Đề điều; Luật Thủy lợi; Nghị định số 53/2026/NĐ-CP; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP; Nghị định số 136/2025/NĐCP; Nghị định số 40/2026/NĐ-CP; Nghị định số 113/2007/NĐCP; Nghị định số 52/2018/NĐ-CP; Nghị định số 131/2025/NĐCP; Thông tư số 16/2025/BNNMT; Thông tư số 08/2026/BNNMT; Thông tư số 02/2020/BNNPTNT; Quyết định 33/2026/QĐ-UBND.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
16	Đất đai, tài nguyên khoáng sản	- Thực hiện theo Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. - Quản lý nguồn tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; cấp giấy phép khai thác nước dưới đất có quy mô từ 10 m3 đến dưới 5.000 m3/ngày đêm. - Quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh (tiếp nhận hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản của các tổ chức trên địa bàn tỉnh; quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của tổ chức thu hồi khoáng sản).	- Thực hiện theo Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. - Cấp đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất có quy mô dưới 10 m3/ngày đêm trên địa bàn. - Tiếp nhận đăng ký thu hồi khoáng sản của các hộ gia đình, cá nhân; quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các hộ gia đình, cá nhân thu hồi khoáng sản trên địa bàn.	Luật Đất đai ; Luật Tài nguyên nước; Nghị quyết số 254/2025/QH; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; Nghị định số 71/2024/NĐ-CP; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP; Nghị định số 54/2024/NĐ-CP; Nghị định số 23/2026/NĐ-CP; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP; Nghị định số 21/2025/NĐ-CP; Nghị định số 131/2025/NĐCP; Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
17	Môi trường	- Quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh công cộng quy mô cấp tỉnh. - Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp trong trường hợp không có chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. - Tiếp nhận báo cáo về làng nghề, phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định. - Thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường; tiếp nhận đăng ký môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc đối tượng theo quy định.	- Quản lý tập kết, điểm chuyển tải, cơ sở tiếp nhận chất thải rắn trên địa bàn cấp xã. - Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. - Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề. - Tiếp nhận đăng ký môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc đối tượng theo quy định. - Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn.	Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Nghị định số 131/2025/NĐCP; Nghị quyết 66.19/2026/NQ-CP.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
18	Cấp nước sạch	- Hoạch định chiến lược, quản lý vĩ mô và phân bổ nguồn lực lớn. Quyết định giao hoặc ủy quyền quản lý các tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy mô lớn cho các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp cấp nước. Kiểm tra chất lượng nguồn nước; thanh tra, kiểm tra các đơn vị cung cấp nước. - Quản lý thống nhất hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh; ban hành và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch cấp nước; phê duyệt phương án giá, ban hành văn bản định giá và điều chỉnh giá nước sạch; quyết định định mức dự toán đặc thù; tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng, an toàn cấp nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; tổng hợp, báo cáo theo quy định.	- Quản lý vận hành trực tiếp, bám sát nhu cầu thực tế của khu dân cư. Phối hợp cùng cơ quan y tế giám sát chất lượng nước đến tay người dân; tiếp nhận và giải quyết phản ánh về sự cố nước sạch trên địa bàn; - Quản lý hoạt động cấp nước trên địa bàn; tuyên truyền, vận động sử dụng nước sạch, tiết kiệm và bảo vệ công trình; chỉ đạo phối hợp bảo vệ, dịch chuyển đường ống; quản lý, giám sát vùng cấp nước; phối hợp bảo vệ công trình, chủ trì xác định ranh giới, vị trí đặt biển vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, kiểm tra và xử lý vấn đề phát sinh; tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất.	Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; Nghị định số 131/2025/NĐCP; Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT; Quyết định 28/2026/QĐ-UBND.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
19	Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	- Quản lý các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh. - Quản lý ngân sách chi cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.	- Quản lý các hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ quan, đơn vị cấp xã; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển tài sản trí tuệ, các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo khác. - Quản lý ngân sách chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cấp xã.	Luật KHCN và đổi mới sáng tạo; Luật Công nghệ thông tin; Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị định số 132/2025/NĐCP; Các quy định khác có liên quan.	Sở Khoa học và Công nghệ
20	Chuyển đổi số, bưu chính và viễn thông	Quản lý hạ tầng công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm), nền tảng, ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả 02 cấp (tỉnh, xã) và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (không trùng lặp với các hệ thống cấp trung ương đã triển khai).	Quản lý hạ tầng công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm), nền tảng, ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động nội bộ của cấp xã và các cơ quan trực thuộc cấp xã bảo đảm tuân thủ quy định và chỉ đạo của tỉnh (không trùng lặp với các hệ thống cấp tỉnh, trung ương đã triển khai)	Luật KHCN và đổi mới sáng tạo; Luật Công nghệ thông tin; Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị định số 132/2025/NĐCP; Các quy định khác có liên quan.	Sở Khoa học và Công nghệ

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
21	Giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp	- Quản lý trường đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc tỉnh. - Quản lý các trường trung học phổ thông; trường phổ thông nhiều cấp học, trong đó có cấp học cao nhất là cấp trung học phổ thông. - Quản lý các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; trường trung học nghề. - Quản lý Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên; Trường trung cấp cho người khuyết tật Thái Bình. - Quản lý các cơ sở giáo dục khác do tỉnh thành lập.	- Quản lý các trường mầm non. - Quản lý các trường tiểu học; trường trung học cơ sở; trường phổ thông nhiều cấp học, trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở. - Quản lý các trung tâm học tập cộng đồng và các cơ sở giáo dục khác do UBND cấp xã thành lập.	Luật Giáo dục; Luật Giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Thông tư số 46/2026/TT-BGDĐT; Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT; Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT; Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT.	Sở Giáo dục và Đào tạo
22	Y tế, chăm sóc sức khỏe	- Quản lý nhà nước đối với lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh theo quy định. - Quản lý các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh. - Quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế trên địa bàn tỉnh. - Quản lý hoạt động tiêm chủng, phòng chống bệnh truyền nhiễm - Quản lý chương trình mục tiêu, dự án, nguồn viện trợ và hoạt động chuyên môn kỹ thuật cấp tỉnh.	- Quản lý toàn diện đối với các trạm y tế xã/ phường. - Phối hợp quản lý, giám sát các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các cơ sở sản xuất kinh doanh dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế trên địa bàn. - Quản lý hoạt động tiêm chủng, phòng chống các bệnh truyền nhiễm... theo phân cấp. - Quản lý các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực y tế trên địa bàn theo quy định.	Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Luật Dược; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Nghị định số 148/2025/NĐ-CP; Nghị định số 163/2025/NĐ-CP; Nghị định số 93/2016/NĐ-CP; Nghị định số 98/2021/NĐ-CP; Thông tư số 43/2025/TT-BYT; Thông tư số 53/2025/TT-BYT.	Sở Y tế
23	Dân số và trẻ em	- Tổ chức thực hiện Luật Dân số và Luật trẻ em; - Quản lý nhà nước về lĩnh vực dân số (quy mô dân số, chất lượng dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân số), lĩnh vực trẻ em trên địa bàn tỉnh, - Ban hành các Chiến lược, Ban hành các chương trình, kế hoạch, quyết định, đề án, cơ chế chính sách, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực dân số và trẻ em theo quy định. - Lồng ghép chỉ tiêu dân số vào PT-XH của tỉnh; - Quản lý chương trình mục tiêu về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 (CTMTQG) - Đề xuất HĐND ban hành chính sách về công tác dân số thuộc thẩm quyền. - Quản lý, khai thác thông tin cơ sở dữ liệu; thống kê, tổng hợp, báo cáo, kiểm tra, đánh giá, dự báo về dân số trên địa bàn. - Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức thực hiện công tác dân số tại địa bàn.	- Thực hiện các chỉ tiêu dân số, đồng thời lồng ghép chỉ tiêu dân số vào phát triển KT- XH địa phương; - Sử dụng, quản lý kinh phí được giao; - Quản lý cán bộ làm dân số, cộng tác viên dân số tại Trạm Y tế trên địa bàn. - Quản lý, cập nhật, khai thác dữ liệu trên Hệ thống quản lý thông tin dân số và trẻ em tại cơ sở. - Quản lý, hướng dẫn hoạt động của người làm công tác bảo vệ trẻ em, cộng tác viên trẻ em trên địa bàn. - Xây dựng, triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án... thuộc lĩnh vực dân số và trẻ em trên địa bàn.	Luật Dân số; Luật Trẻ em; Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; Nghị định số 147/2025/NĐ-CP; Nghị định số 148/2025/NĐ-CP; Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.	Sở Y tế
24	Bảo trợ xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội	- Quản lý nhà nước về thực hiện chính sách trợ giúp xã hội; chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát việc thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, người khuyết tật, người cao tuổi trên địa bàn tỉnh. - Quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và quản lý công tác xã hội trên địa bàn tỉnh. - Quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu; thống kê, tổng hợp, báo cáo về bảo trợ xã hội. - Quản lý nhà nước về về công tác phòng chống mại dâm; Kiểm tra Cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện để phát sinh tệ nạn mại dâm trên địa bàn tỉnh; - Quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về	- Quản lý đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng; tiếp nhận, giải quyết, quản lý hồ sơ xét duyệt trợ giúp xã hội; rà soát, xác minh thông tin đối tượng bảo trợ xã hội, hưu tr; xác định mức độ khuyết tật và thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn, - Theo dõi, quản lý biến động đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội, người khuyết tật, người cao tuổi trên địa bàn. - Quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn; - Quản lý nhà nước về về công tác phòng chống mại dâm; Kiểm tra Cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện để phát sinh tệ nạn mại dâm trên địa bàn xã/phường; - Tiếp nhận, quản lý, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về	Luật Người khuyết tật; Luật Người cao tuổi; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP; Nghị định số 103/2017/NĐ-CP; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP; Nghị định số 147/2025/NĐ-CP; Nghị định số 176/2025/NĐ-CP; Thông tư số 14/2025/TT-BYT; Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH.	Sở Y tế

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
25	An toàn thực phẩm	- Quản lý an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất nhập khẩu, kinh doanh và cơ sở SXKD đối với sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế, gồm: Cơ sở SXKD nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm bổ sung, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm khác theo quy định pháp luật; Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có giấy chứng nhận ĐKKD hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp có thẩm quyền cấp; cơ sở chế biến suất ăn sẵn; Cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với: bếp ăn tập thể trong bệnh viện; bếp ăn tập thể trong các cơ sở giáo dục từ cấp trung học phổ thông trở lên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; bếp ăn tập thể tại KCN, CCN; nhà hàng trong khách sạn. - Quản lý an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh và cơ sở sản xuất kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực công thương, gồm: Cơ sở SXKD có giấy chứng nhận ĐKKD do cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh trở lên đối với các sản phẩm/ nhóm sản phẩm: rượu, cồn và đồ uống có cồn, bia, nước giải khát, dầu ăn, tinh bột sản phẩm từ tinh bột, sữa chế biến, bánh, mứt, kẹo, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; Cơ sở kinh doanh thực phẩm theo chuỗi, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối và các loại hình kinh doanh khác.	- Quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể trong trường học trên địa bàn từ cấp mầm non đến cấp trung học cơ sở, đảm bảo an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn và các đối tượng cụ thể theo phân cấp quản lý. - Trực tiếp giám sát việc tổ chức hội nghị, hội thảo về quảng cáo thực phẩm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo quy định; bảo đảm an toàn thực phẩm tại các lễ hội, hội chợ, hội nghị, sự kiện do địa phương tổ chức hoặc quản lý	Luật An toàn thực phẩm; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Nghị định số 148/2025/NĐ-CP.	Sở Y tế, Sở Công thương
26	Văn hóa	- Tổ chức xây dựng, phê duyệt, thực hiện Quy hoạch quảng cáo ngoài trời, báo cáo định kỳ việc quản lý hoạt động quảng cáo tại địa phương; Hướng dẫn việc thực hiện quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn, biển hiệu, màn hình chuyên quảng cáo, trên báo chí, trên môi trường mạng, xuất bản phẩm và trên các phương tiện quảng cáo khác theo quy định; Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo theo quy định của pháp luật. - Trình HĐND tỉnh về đặt tên, đổi tên đường, phố, quảng trường, công trình công cộng ở địa phương. - Quyết định tổ chức bắn pháo hoa nổ, thay đổi tầm bắn, thời lượng bắn pháo hoa nổ trên địa bàn tỉnh. - Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa (vụ karaoke, dịch vụ vũ trường) trên địa bàn tỉnh. Quản lý về quyền tác giả, quyền liên quan và công nghiệp văn hóa; quản lý về các lĩnh vực điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, tượng đài, tranh hoành tráng; quản lý lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn tỉnh. - Chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ cho UBND cấp xã trong lĩnh vực: di sản văn hóa phi vật thể, vật thể, quản lý nhà nước các lĩnh vực văn hóa công cộng; kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật di sản văn hóa phi vật thể, vật thể, quản lý nhà nước các lĩnh vực văn hóa công cộng. - Quản lý, bảo vệ và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể.	- Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn về nội dung, số lượng, vị trí quảng cáo tại địa phương theo quy hoạch. - Tham mưu đề án đặt tên, đổi tên đường, phố, quảng trường, công trình công cộng ở địa phương trình cấp có thẩm quyền. - Quản lý và đề xuất nhu cầu bắn pháo hoa trình cấp có thẩm quyền theo quy định. - Thực hiện quản lý nhà nước về văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa theo thẩm quyền tại địa phương. - Tiếp nhận, tổ chức thực hiện nghiệp vụ theo hướng dẫn của cấp trên; tự kiểm tra, tổ chức thực hiện tại địa bàn. - Quản lý và tổ chức thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa theo thẩm quyền tại địa phương	Luật Quảng cáo; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 91/2005/NĐ-CP; Nghị định số 137/2020/NĐ-CP; Nghị định số 56/2023/NĐ-CP; Nghị định số 96/2016/NĐ-CP; Nghị định số 99/2016/NĐ-CP; Nghị định số 138/2025/NĐ-CP; Nghị định số 54/2019/NĐ-CP; Nghị định số 148/2024/NĐ-CP; Nghị định số 113/2013/NĐ-CP; Nghị định số 72/2016/NĐ-CP; Nghị định số 144/2020/NĐ-CP; Nghị định số 116/2020/NĐ-CP; Nghị định số 208/2025/NĐ-CP; Nghị định số 308/2025/NĐ-CP; Nghị định số 215/2025/NĐ-CP; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTTDL; Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL; Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL; Thông tư số 09/2012/TT-BVHTTDL.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
27	Thể thao	Quản lý các hoạt động thể dục, thể thao, giải trí trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch tổ chức Đại hội thể dục thể thao các cấp. Thực hiện chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, trọng tài, vận động viên của tỉnh trong các hoạt động thi đấu thể dục, thể thao theo quy định. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao và kiểm tra điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định. Quy định về tổ chức giải thi đấu thể thao quần chúng; thành lập câu lạc bộ thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thực hiện quy hoạch có liên quan, kế hoạch, đề án phát triển thể dục, thể thao ở địa phương; tổ chức tuyên truyền về lợi ích, tác dụng của thể dục, thể thao; vận động mọi người tham gia phát triển phong trào thể dục, thể thao; phổ biến kiến thức, hướng dẫn tập luyện thể dục, thể thao... Tổ chức tập huấn chuyên môn đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao theo quy định. Xây dựng hệ thống giải thi đấu, kế hoạch thi đấu và chỉ đạo hướng dẫn tổ chức các cuộc thi đấu thể thao cấp tỉnh. Tổ chức khai thác, bảo tồn, hướng dẫn tập luyện, biểu diễn và thi đấu các môn thể thao dân tộc, trò chơi vận động dân gian, các phương pháp rèn luyện sức khỏe truyền thống; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan phổ biến các môn thể thao dân tộc ra nước ngoài. Tổ chức kiểm tra, đánh giá các phong trào thể dục, thể thao quần chúng tại tỉnh; chỉ đạo tổ chức thực hiện giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trong các cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, lực lượng vũ trang và khu chế xuất, khu công nghiệp tại địa phương.	Quản lý các hoạt động, thể dục thể thao trên địa bàn theo thẩm quyền; quy định về tổ chức giải thi đấu thể thao quần chúng; thành lập câu lạc bộ thể dục thể thao trên địa bàn; triển khai thực hiện quy hoạch có liên quan, kế hoạch, đề án phát triển thể dục, thể thao trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng tại địa phương...	Luật Thể dục thể thao; Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; Nghị định số 138/2025/NĐ-CP; Thông tư 09/2012/TT-BVHTTDL.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
28	Du lịch	- Quản lý tài nguyên du lịch; quản lý khu du lịch, điểm du lịch, hoạt động kinh doanh du lịch và hướng dẫn du lịch trên địa bàn. Ban hành hoặc trình ban hành chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh. - Quảng bá, xúc tiến du lịch; xây dựng thương hiệu, hình ảnh điểm đến của địa phương; liên kết phát triển du lịch vùng và liên vùng; hợp tác quốc tế về du lịch theo thẩm quyền. - Quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh; quản lý nơi dừng, đỗ các phương tiện đã được cấp biển hiệu phương tiện giao thông vận tải khách du lịch để tiếp cận điểm tham quan du lịch, cơ sở lưu trú du lịch; rà soát, lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn vào khu du lịch, điểm du lịch theo quy định. - Quyết định công nhận, thu hồi quyết định công nhận điểm du lịch, khu du lịch cấp tỉnh theo thẩm quyền. - Bảo vệ, khai thác và phát huy giá trị tài nguyên du lịch, xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa tài nguyên du lịch trên địa bàn tỉnh. - Chỉ đạo bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường tại khu, điểm du lịch; tổ chức cứu hộ, cứu nạn; bảo đảm an toàn cho khách du lịch. - Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; cấp, thu hồi thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa và quốc tế. - Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch khác.	- Quản lý tài nguyên du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế chính sách phát triển du lịch trên địa bàn theo thẩm quyền. Phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương. - Tổ chức bố trí nơi dừng, đỗ cho các phương tiện giao thông đã được cấp biển hiệu phương tiện giao thông vận tải khách du lịch để tiếp cận điểm tham quan du lịch, cơ sở lưu trú du lịch; tổ chức rà soát, lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn vào khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn. - Phối hợp trong công tác bảo vệ, khai thác và phát huy giá trị tài nguyên du lịch của địa phương, xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa tài nguyên du lịch trên địa bàn. - Trực tiếp và phối hợp thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường tại khu, điểm du lịch; phối hợp thực hiện cứu hộ, cứu nạn; bảo đảm an toàn cho khách du lịch trên địa bàn.	Luật Du lịch năm 2017; Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; Nghị định số 45/2019/NĐ-CP; Nghị định số 138/2025/NĐ-CP; Nghị định số 348/2025/NĐ-CP; Thông tư số 06/2017/TT-BVH; Thông tư số 18/2021/TT-BVH; Thông tư số 16/2022/TT-BVH.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
29	Xây dựng đời sống văn hóa và gia đình	- Quản lý khai thác, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Quản lý và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh. Xây dựng, ban hành kế hoạch, chương trình triển khai phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh. Tổ chức xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”. Chỉ đạo xây dựng và triển khai các mô hình, điển hình về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Chỉ đạo tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, vui chơi, giải trí tại thiết chế văn hóa cơ sở. - Quản lý về công tác gia đình trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Chỉ đạo xây dựng, triển khai, nhân rộng mô hình về gia đình và phòng chống bạo lực gia đình... - Quản lý, hướng dẫn tổ chức các hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh. Quản lý các hoạt động văn hóa, lễ hội có yếu tố nước ngoài, yếu tố đối ngoại trên địa bàn tỉnh.	- Quản lý khai thác, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thuộc thẩm quyền theo quy định. Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; các kế hoạch, chương trình triển khai phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn. Tổ chức xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”. Xây dựng và tổ chức thực hiện các mô hình, điển hình về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, vui chơi, giải trí. - Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về gia đình; tuyên truyền đạo đức, lối sống trong gia đình và xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; xây dựng và nhân rộng mô hình về gia đình, phòng chống bạo lực gia đình... - Quản lý, hướng dẫn tổ chức các hoạt động lễ hội trên địa bàn theo thẩm quyền. Phối hợp quản lý các hoạt động văn hóa, lễ hội có yếu tố nước ngoài, yếu tố đối ngoại trên địa bàn.	Luật Di sản văn hóa; Luật Thi đua, khen thưởng; Luật Phòng chống bạo lực gia đình; Nghị định số 86/2023/NĐ-CP; Nghị định số 110/2018/NĐ-CP.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
30	Thông tin, báo chí, xuất bản	- Quản lý hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở tỉnh Hưng Yên. Quản lý các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản trên địa bàn tỉnh theo quy định. Quản lý hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; quản lý khai báo và hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy trên địa bàn tỉnh. - Cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương; cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương; cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương; Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương); cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài; cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm; cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương); cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội; cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (cấp địa phương); cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh; cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	- Quản lý, giám sát, vận hành hoạt động của hệ thống đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông tin viễn thông - Phối hợp quản lý hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn; Cấp mới, cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in (đối với các cơ sở in là Hộ kinh doanh); Quản lý khai báo và hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy; Khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm. - Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển thông tin cơ sở ở địa phương và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê hoạt động thông tin cơ sở theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Nghị định số 49/2024/NĐ-CP; Nghị định số 137/2025/NĐ-CP; Nghị định số 138/2025/NĐ-CP; Nghị định số 116/2026/NĐ-CP; Thông tư số 09/2025/TT-BVH; Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 18/2026/NQ-C; Quyết định 682/QĐ-BVHTTDL.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
31	Tổ chức bộ máy	- Về tổ chức hành chính: (1) Xây dựng, trình HĐND tỉnh xem xét ban hành nghị quyết để thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh theo quy định; (2) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh (trừ Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh) theo quy định; quyết định số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã; (3) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các ban, chi cục và tương đương thuộc sở theo quy định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; (4) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các ban, chi cục và tương đương thuộc sở theo quy định; (5) Quyết định khung số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn được áp dụng tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý và theo quy định. - Về đơn vị sự nghiệp công lập: (1) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các ĐVSNCN thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng theo quy định) và ĐVSNCN khác theo quy định pháp luật; (2) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các ĐVSNCN thuộc UBND tỉnh, thuộc sở, thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh (trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác); phê duyệt Đề án tự chủ của ĐVSNCN thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án được phê duyệt; (3) Quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong ĐVSNCN thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; (4) Chỉ đạo về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ĐVSNCN cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp xã, bảo đảm theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn cấp xã.	- Về tổ chức hành chính: (1) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật; (2) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác phù hợp với quy định của Chính phủ và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; căn cứ số lượng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác được thành lập và số lượng cấp phó bình quân của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác theo quy định, quyết định cụ thể số lượng cấp phó của từng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý; - Về đơn vị sự nghiệp công lập: (1) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định của pháp luật; (2) Phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án theo Đề án được phê duyệt.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 129/2025/NĐ-CP; Nghị định số 283/2025/NĐ-CP; Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND.	Sở Nội vụ
32	Quản lý cán bộ, công chức, viên chức	- Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác; việc quản lý đối với người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; người hoạt động không chuyên trách theo quy định của Đảng, của pháp luật và quy định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan Đảng có thẩm quyền;	Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; từ chức, miễn nhiệm, kỷ luật người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, ĐVSNCN thuộc UBND cấp xã theo phân cấp, ủy quyền; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch UBND cấp xã, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, ĐVSNCN lập thuộc UBND cấp xã; quyết định sử dụng, phân công, bố trí, kiểm tra, đánh giá, tạm đình chỉ công tác; đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng; thực hiện chế độ tiền lương, cho thôi việc, nghỉ hưu và các chế độ, chính sách khác thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã theo quy định.	Luật Cán bộ công chức; Luật Viên chức; Nghị định số 129/2025/NĐ-CP; Thông tư số 10/2025/TT-BNV; Thông tư số 06/2026/TT-BNV.	Sở Nội vụ

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
33	Quản lý vị trí việc làm	- Vị trí việc làm công chức: Chỉ đạo các cơ quan xác định vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm, thực hiện việc bố trí công chức theo vị trí việc làm của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định; quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm đối với các sở. - Vị trí việc làm viên chức: Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ bố trí bậc nghề nghiệp theo vị trí việc làm trong các sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định. Phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ bố trí bậc nghề nghiệp theo vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.	- Vị trí việc làm công chức: Chỉ đạo xác định vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm trong các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã. Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm đối với cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ. - Vị trí việc làm viên chức: Chỉ đạo xác định vị trí việc làm (điều chỉnh vị trí việc làm), xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm, tỷ lệ bố trí bậc nghề nghiệp theo vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã. Quyết định phê duyệt vị trí việc làm (điều chỉnh vị trí việc làm), tỷ lệ bố trí bậc nghề nghiệp theo vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc UBND cấp xã sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP; Nghị định số 361/2025/NĐ-CP; Quyết định 16/2026/QĐ-UBND; Nghị định số 232/2026/NĐ-CP.	Sở Nội vụ
34	Người có công	- Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ từ nguồn NSTW hỗ trợ với mức từ 10 tỷ đồng đến 15 tỷ đồng/công trình cấp tỉnh. - Chủ tịch UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận hy sinh đối với người hy sinh thuộc cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện quản lý.	- Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ với mức dưới 10 tỷ đồng/công trình cấp tỉnh. - Chủ tịch UBND cấp xã có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh đối với người hy sinh thuộc cơ quan cấp xã thuộc thẩm quyền theo quy định.	Nghị định số 128/2025/NĐ-CP; Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.	Sở Nội vụ
35	Lao động và việc làm	- Quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Điều 10,11 Nghị định số 128/2025/NĐ-CP). - Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng mất an toàn khi nhập khẩu (Điều 16 Thông tư số 09/2025/TT-BNV).	Nhận thông báo của người lao động về nguy cơ mất an toàn lao động tại nơi làm việc trên địa bàn để có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi gây mất an toàn, vệ sinh lao động; Nhận thông báo của người sử dụng lao động khi xảy ra sự cố gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp và có biện pháp xử lý kịp thời; Có biện pháp ứng phó ngay khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến nhiều cơ sở SXKD tại địa phương theo quy định (Điều 9 Nghị định 128/2025/NĐ-CP).	Nghị định 128/2025/NĐ-CP; Thông tư số 09/2025/TT-BNV.	Sở Nội vụ
36	Quản lý về hội, quỹ	- Giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi tỉnh phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội. - Cho phép tổ chức đại hội đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh. - Cấp bản sao có chứng thực các quyết định về giấy phép thành lập, công nhận điều lệ, công nhận Hội đồng quản lý quỹ theo đề nghị của quỹ nếu trong quá trình hoạt động khi văn bản này bị mất, rách, nát.	- Giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi xã phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội. - Cấp bản sao có chứng thực các quyết định về giấy phép thành lập, công nhận điều lệ, công nhận Hội đồng quản lý quỹ theo đề nghị của quỹ nếu trong quá trình tổ chức, hoạt động khi các văn bản này bị mất, rách, nát.	Nghị định số 126/2024/NĐ-CP; Nghị định số 129/2025/NĐ-CP; Nghị định số 03/2026/NĐ-CP.	Sở Nội vụ

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
37	Thi đua - khen thưởng	- Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh. - Phát động, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các phong trào thi đua trên phạm vi toàn tỉnh. - Quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật. - Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo thẩm quyền.	- Triển khai thực hiện quy định pháp luật và chỉ đạo của cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn. - Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn. - Phát động, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các phong trào thi đua trong phạm vi quản lý. - Quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định. - Tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng theo thẩm quyền.	Luật Thi đua, khen thưởng; Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND.	Sở Nội vụ
38	Chính quyền địa phương	- Về chính quyền địa phương: Thực hiện triển khai công tác bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn theo quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên; Tham mưu, giúp Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh theo quy định; Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Thực hiện quản lý đối với thôn, tổ dân phố theo quy định. - Về địa giới đơn vị hành chính (ĐVHC) và phân loại ĐVHC: Thực hiện công tác quản lý địa giới ĐVHC, hồ sơ, mốc, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp trên địa bàn theo quy định pháp luật và theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về đề án thành lập, giải thể, nhập, chia ĐVHC, điều chỉnh địa giới, đổi tên ĐVHC và giải quyết trường hợp chưa thống nhất về địa giới ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã; phường, đặc khu loại đặc biệt; phân loại ĐVHC cấp tỉnh; Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận xã đảo, xã an toàn khu; phân loại ĐVHC cấp xã. - Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC): Tham mưu Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc phạm vi quản lý và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC và các đối tượng khác theo quy định của Đảng, của pháp luật và theo quy định của UBND tỉnh. - Về công tác thanh niên: Triển khai thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án phát triển thanh niên tại địa phương, quản lý về thanh niên; chủ trì hoặc phối hợp với đơn vị liên quan trong việc giải quyết các vấn đề liên ngành về thanh niên và công tác thanh niên. - Về công tác dân chủ, dân vận: Tham mưu, tổ chức thi hành pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn. Tham mưu, triển khai thực hiện công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp theo quy định.		Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Luật thanh niên; Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Nghị định số 307/2025/NĐ-CP; Nghị định số 171/2025/NĐ-CP; Nghị định 259/2026/NĐ-CP; Thông tư số 10/2025/TT-BNV.	Sở Nội vụ

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
39	Dân tộc và tôn giáo	- Về công tác dân tộc: Thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công tác dân tộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo dõi, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh; đề án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các chính sách đầu tư, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số; các chính sách, dự án hỗ trợ người dân ở các địa bàn đặc biệt khó khăn; các chính sách, dự án bảo tồn và phát triển đối với các nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù. Chỉ đạo việc tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, động viên, hỗ trợ khó khăn, giải quyết các nguyện vọng chính đáng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ, chính sách và quy định của pháp luật; tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp xã; tổ chức các hội nghị biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức các hoạt động giao lưu, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm giữa đại biểu dân tộc thiểu số, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam. Phê duyệt thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; rà soát, thẩm định, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ phê duyệt các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù. - Về tín ngưỡng, tôn giáo: Tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình đề án, dự án về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt. Chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo việc tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo việc giải quyết những vụ việc cụ thể, vụ việc nổi cộm, nhạy cảm về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật; giải quyết những vấn đề phát sinh trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền quản lý;	- Về công tác dân tộc: Tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công tác dân tộc theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, UBND tỉnh, Sở Nội vụ. Tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc trên địa bàn xã; chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chính sách đầu tư, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách, dự án hỗ trợ người dân ở các địa bàn đặc biệt khó khăn; chính sách, dự án bảo tồn và phát triển đối với các nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù. Chỉ đạo việc tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, động viên, hỗ trợ khó khăn, giải quyết các nguyện vọng chính đáng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp xã; tổ chức các hội nghị biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức các hoạt động giao lưu, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm giữa đại biểu dân tộc thiểu số, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam. Rà soát, tổng hợp và lập hồ sơ xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công nhận, đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín, gửi cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh cho ý kiến trước khi quyết định; tổ chức thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định. - Về tín ngưỡng, tôn giáo: Tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về tín ngưỡng, tôn giáo theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, UBND tỉnh, Sở Nội vụ. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo không phải là di sản văn hóa phi vật thể và các cơ sở tín ngưỡng không phải là di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc đã được UBND tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, nắm tình hình đề phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vào mục đích ngoài tôn giáo, chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi. Chỉ đạo việc tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết nguyện vọng của chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo theo quy định của pháp luật. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết những vụ việc cụ thể về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật; giải quyết những vấn đề phát sinh trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền quản lý.	Thông tư số 02/2025/TT-BDDTTG	Sở Nội vụ
40	Hành chính tư pháp	- Chỉ đạo công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh. - Quản lý dữ liệu hộ tịch điện tử trên Phần mềm hộ tịch điện tử; quản lý và lưu giữ hồ sơ, sổ sách về hộ tịch, nuôi con nuôi theo quy định. - Là cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp hành vi gây thiệt hại của UBND cấp huyện thuộc nhóm nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp tỉnh kể từ ngày 01/7/2025. Thực hiện trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại. - Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động đăng ký các biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại địa phương. - Thực hiện các nhiệm vụ để giải quyết hồ sơ xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam, cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam; quản lý và lưu giữ hồ sơ, sổ sách về quốc tịch theo quy định pháp luật.	- Thực hiện đăng ký hộ tịch, giải quyết nuôi con nuôi trong nước theo quy định pháp luật; - Cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử trong phạm vi địa phương quản lý; quản lý và lưu giữ hồ sơ, sổ sách về hộ tịch, nuôi con nuôi theo quy định; tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và thống kê số liệu đăng ký hộ tịch báo cáo UBND cấp tỉnh. - Là cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp hành vi gây thiệt hại của UBND cấp huyện thuộc nhóm nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã kể từ ngày 01/7/2025. Thực hiện trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại.	Luật Hộ tịch; Luật Nuôi con nuôi; Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Luật Quốc tịch Việt Nam; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; Nghị định số 99/2022/NĐ-CP; Nghị định 120/2025/NĐ-CP; Nghị định 121/2025/NĐ-CP; Thông tư 09/2025/TT-BTP	Sở Tư pháp

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
41	Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật	- UBND cấp tỉnh ban hành quyết định đề quy định; + Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. + Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương. + Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp. - UBND cấp tỉnh thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do HĐND và UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành.	- UBND cấp xã ban hành quyết định đề quy định; + Những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao; + Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp; + Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp. - UBND cấp xã thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do HĐND và UBND cấp xã ban hành.	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư số 09/2025/TT-BTP.	Sở Tư pháp
42	Tổ chức thi hành pháp luật	- UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản QPPL thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của mình cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cùng cấp và cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, công chức chuyên môn thuộc UBND cấp dưới. - UBND các cấp chỉ đạo việc biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng; chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành đối với văn bản QPPL do mình ban hành. - UBND tỉnh xây dựng báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình gửi về Bộ Tư pháp. - UBND các cấp có trách nhiệm phối hợp với VKSND, TAND, MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác có liên quan trong việc tổ chức thi hành pháp luật. - UBND các cấp kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cùng cấp và UBND cấp dưới trong phạm vi địa bàn quản lý; tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương - UBND các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Phối hợp thực hiện nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tổ chức thi hành pháp luật. Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đôn đốc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, UBND cấp dưới về tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương. Phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật. Tổng hợp, báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương. Xây dựng cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí nguồn lực để triển khai việc tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương.	- UBND các cấp chỉ đạo việc biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng; chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành đối với văn bản QPPL do mình ban hành. - Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền. - UBND các cấp có trách nhiệm phối hợp với VKSND, TAND, MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác có liên quan trong việc tổ chức thi hành pháp luật. - UBND các cấp kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cùng cấp và UBND cấp dưới trong phạm vi địa bàn quản lý. - UBND các cấp tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương. - UBND các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: (1) Phối hợp thực hiện nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tổ chức thi hành pháp luật; (2) Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đôn đốc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, UBND cấp dưới về tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương; (3) Phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật; (4) Tổng hợp, báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương; (5) Xây dựng cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí nguồn lực để triển khai việc tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương.	Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.	Sở Tư pháp

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
43	Phổ biến, giáo dục pháp luật	- UBND các cấp có trách nhiệm sau đây: Ban hành theo thẩm quyền chương trình, kế hoạch, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật; thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật theo quy định của pháp luật. Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hỗ trợ cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. - UBND các cấp có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương. - UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quy định tại Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau: Tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo trách nhiệm quản lý trên địa bàn và hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn trực thuộc, UBND cấp dưới trong việc tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trên địa bàn. Thực hiện việc thống kê, báo cáo về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Sơ kết, tổng kết, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, thực hiện Ngày Pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và thực hiện xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương. Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.	- UBND các cấp có trách nhiệm sau đây: Ban hành theo thẩm quyền chương trình, kế hoạch, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật; thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật theo quy định của pháp luật. Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hỗ trợ cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. - UBND các cấp có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương. - UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ quy định tại Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và có trách nhiệm sau: Tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn. Đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Thực hiện việc thống kê, báo cáo về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo chỉ đạo của UBND cấp trên. Sơ kết, tổng kết, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, thực hiện Ngày Pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và thực hiện xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn. Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Nghị định số 28/2013/NĐ-CP	Sở Tư pháp
44	Pháp chế	Trong phạm vi quản lý nhà nước ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: - Xây dựng, củng cố tổ chức pháp chế. - Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế. - Chủ trì hoặc phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn, tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế. - Bảo đảm biên chế kinh phí và các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động của tổ chức pháp chế. - Báo cáo về công tác pháp chế theo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất để Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	Không	Nghị định số 55/2011/NĐ-CP; Nghị định số 56/2024/NĐ-CP.	Sở Tư pháp

Stt	Ngành, lĩnh vực	Cấp tỉnh quản lý	Cấp xã quản lý	Căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền	Cơ quan, đơn vị thống kê
45	Bổ trợ tư pháp	- Chỉ đạo việc theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, công chứng, chứng thực, giám định tư pháp, đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, hòa giải thương mại, quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương theo quy định pháp luật. - Thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật tại địa phương. - Ban hành: Đề án quản lý, phát triển các tổ chức hành nghề công chứng; giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng tại địa phương; điều chỉnh danh mục địa bàn được thành lập VP công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân, việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch cho tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương theo quy định pháp luật; Đề án thành lập, chuyển đổi, giải thể Phòng công chứng; tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập VP công chứng; Cho phép thành lập, thu hồi quyết định cho phép thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của VP công chứng; quyết định cho phép việc bán VP công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân; Chỉ đạo việc xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu và ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương; có ý kiến bằng văn bản đối với trường hợp lưu trữ hồ sơ công chứng ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng. - Chỉ đạo việc quản lý hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp; - Chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính theo quy định và quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan tư pháp và cơ quan thi hành án dân sự địa phương của Bộ Tư pháp. - Thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên tại địa phương;	- Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra về công tác: chứng thực, trợ giúp pháp lý tại địa phương theo quy định pháp luật. - Thực hiện cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực, chứng thực bản sao giấy, bản sao điện tử từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của cấp xã theo quy định pháp luật. - Quản lý, sử dụng, lưu trữ sổ chứng thực, hồ sơ chứng thực theo quy định pháp luật. - Kiểm tra tiêu chuẩn, điều kiện, lập danh sách và niêm yết công khai danh sách cộng tác viên dịch thuật tại trụ sở UBND cấp xã. - Chỉ đạo thực hiện công tác thi hành án tại địa phương theo thẩm quyền. - Phối hợp tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự theo quy định pháp luật.	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP; Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; Nghị định 151/2026/NĐ-CP; Thông tư số 09/2025/TT-BTP	Sở Tư pháp
46	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	UBND tỉnh có trách nhiệm: Cập nhật trên Cổng thông tin điện tử tỉnh các thông tin liên quan theo quy định, gửi Bộ Tư pháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tự cập nhật để Bộ Tư pháp cập nhật trên Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV). Cập nhật và đăng tải các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai, có hiệu lực thi hành mà UBND tỉnh là một bên có liên quan lên cổng thông tin điện tử của mình hoặc kết nối với cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này theo quy định. Trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho DNNVV trong áp dụng chung về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương do mình quản lý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp vướng mắc phức tạp thì có thể trả lời trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Hệ thống hóa, cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời của bộ, ngành, địa phương đối với vướng mắc pháp lý của DNNVV trong áp dụng chung về pháp luật lên Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày văn bản được ký ban hành. Tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DNNVV tại địa phương; gửi báo cáo kết quả hoạt động hỗ trợ DNNVV trong phạm vi địa phương theo yêu cầu của Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ. Quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật theo quy định.	Không	Nghị định số 55/2019/NĐ-CP; Nghị định số 121/2025/NĐ-CP.	Sở Tư pháp

Phụ lục 2: TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT CỦA CÁC NGÀNH VỀ VIỆC PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN QUẢN LÝ CHO CẤP XÃ
(Các nội dung chưa được phân cấp trong các văn bản quy phạm pháp luật khác của tỉnh)
(Kèm theo Văn bản số /STC-THQH ngày /8/2026 của Sở Tài chính)

Stt	Ngành, lĩnh vực	Nội dung đề xuất phân cấp	Căn cứ, cơ sở đề xuất phân cấp (nêu rõ quy định tại điều khoản nào)	Cơ quan, đơn vị đề xuất
1	Quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Phân cấp việc tuyển dụng và sử dụng viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã	Điều 4 Thông tư số 10/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ
2	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Phân cấp quản lý, bảo vệ đề điều đối với các tuyến đề cấp IV, V và các tuyến đề bồi chưa được phân cấp (nếu có); tuyến đề và công trình phân lũ, làm chậm lũ trên địa bàn.	Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 113/2007/NĐ-CP của Chính phủ	Sở NN&MT
3	Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Không đề xuất nội dung phân cấp	- Theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2025 và Nghị định số 70/2026/NĐ-CP, công tác quản lý quy hoạch tỉnh thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, không có căn cứ để phân cấp, phân quyền quản lý cho cấp xã. - Công tác quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của tỉnh và của cấp xã được thực hiện theo các quy định cụ thể tại các nghị quyết, chỉ thị, chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh.	Sở Tài chính
4	Đầu tư	Không đề xuất nội dung phân cấp	- Luật Đầu tư công, Nghị định số 85/2025/NĐ-CP và số 275/2025/NĐ-CP đã quy định rõ thẩm quyền quản lý kế hoạch ĐTC trung hạn và hằng năm cấp tỉnh, cấp xã; không có quy định về phân cấp nội dung này. - Luật Đầu tư công, Luật đầu tư PPP, Luật Đấu thầu và các nghị định hướng dẫn đã quy định rõ trách nhiệm từng cấp, không có căn cứ để đề xuất nội dung phân cấp. - Thâm tra, phê duyệt quyết toán được quy định cụ thể tại Nghị định 193/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định 2071/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh. - Luật Đầu tư, Luật Quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp đã quy định rõ thẩm quyền quản lý đầu tư, không có quy định việc phân cấp của tỉnh.	Sở Tài chính
5	Tài chính, ngân sách, tài sản công	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp	- Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành một số quyết định phân cấp quản lý tài sản công (Phụ lục 3). - HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 772/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ % phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách từ năm 2026 (tại Phụ lục 3). Hiện nay Sở Tài chính đang hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh từ năm 2017 (thay thế Nghị quyết số 772/2025/NQ-HĐND). Vì vậy, không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp.	Sở Tài chính

Stt	Ngành, lĩnh vực	Nội dung đề xuất phân cấp	Căn cứ, cơ sở đề xuất phân cấp (nếu rõ quy định tại điều khoản nào)	Cơ quan, đơn vị đề xuất
6	Kết cấu hạ tầng giao thông	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Xây dựng
7	Vận tải	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Xây dựng
8	Quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Xây dựng
9	Thẩm định công trình xây dựng	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Xây dựng
10	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Xây dựng
11	Quản lý vật liệu xây dựng	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Xây dựng
12	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Xây dựng
13	Công nghiệp	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Công thương
14	Thương mại	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Công thương
15	Năng lượng	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Công thương
16	Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		BQL KKT; BQL KCN
17	Đất đai, tài nguyên khoáng sản	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở NN&MT
18	Môi trường	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở NN&MT
19	Cấp nước sạch	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở NN&MT
20	Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở KH&CN
21	Chuyển đổi số, bưu chính và viễn thông	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở KH&CN
22	Giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở GD&ĐT
23	Y tế, chăm sóc sức khỏe	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Y tế
24	Dân số và trẻ em	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Y tế
25	An toàn thực phẩm	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Y tế
26	Bảo trợ xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Y tế
27	Văn hóa	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở VH TT & DL
28	Thể thao	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở VH TT & DL

Stt	Ngành, lĩnh vực	Nội dung đề xuất phân cấp	Căn cứ, cơ sở đề xuất phân cấp (<i>nêu rõ quy định tại điều khoản nào</i>)	Cơ quan, đơn vị đề xuất
29	Du lịch	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở VH TT&DL
30	Xây dựng đời sống văn hóa và gia đình	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở VH TT&DL
31	Thông tin, báo chí, xuất bản	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở VH TT&DL
32	Người có công	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Nội vụ
33	Lao động và việc làm	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Nội vụ
34	Tổ chức bộ máy	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Nội vụ
35	Quản lý vị trí việc làm	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Nội vụ
36	Quản lý về hội, quỹ	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Nội vụ
37	Thi đua - khen thưởng	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Nội vụ
38	Chính quyền địa phương	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Nội vụ
39	Dân tộc và tôn giáo	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Nội vụ
40	Hành chính tư pháp	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Tư pháp
41	Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Tư pháp
42	Tổ chức thi hành pháp luật	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Tư pháp
43	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Tư pháp
44	Pháp chế	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Tư pháp
45	Bổ trợ tư pháp	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Tư pháp
46	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	Không đề xuất bổ sung nội dung phân cấp		Sở Tư pháp

Phụ lục 3: THỐNG KÊ DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA TỈNH BAN HÀNH, TRONG ĐÓ CÓ NỘI DUNG PHÂN CẤP QUẢN LÝ

(Kèm theo Văn bản số /STC-THQH ngày /8/2026 của Sở Tài chính)

Stt	Ngành, lĩnh vực	Văn bản của UBND tỉnh ban hành về việc quy định phân cấp quản lý (Số, ngày ban hành và trích yếu văn bản)	Cơ quan, đơn vị thống kê
1	Tài chính, ngân sách, tài sản công	- Quyết định số 139/2025/QĐ-CTUBND ngày 21/10/2025 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. - Quyết định số 141/2025/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. - Quyết định số 151/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. - Đã trình UBND tỉnh xem xét, ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 148/TT-STC ngày 31/3/2026 của Sở Tài chính). - Nghị quyết số 772/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Hưng Yên từ năm 2026. Hiện nay, đang hoàn thiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ % phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Hưng Yên từ năm 2027 (thay thế Nghị quyết số 772/2025/NQ-HĐND).	Sở Tài chính
2	Đầu tư	Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 (trong đó quy định nguyên tắc sử dụng đối với từng nguồn vốn đầu tư công cấp tỉnh, cấp xã; đồng thời thực hiện phân bổ 20% vốn đầu tư XDCB tập trung trong cân đối NSDP giai đoạn 2027-2030 để phân cấp cho các xã, phường quản lý theo quy định).	Sở Tài chính
3	Kết cấu hạ tầng giao thông	- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 ban hành quy định phân cấp quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh. - Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 và Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 về việc giao quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì các tuyến đường do Ủy ban nhân dân cấp huyện trước thời điểm thực hiện chính quyền địa phương hai cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường tỉnh Hưng Yên	Sở Xây dựng
4	Quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị	- Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 ban hành quy định phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. - Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. - Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 về phân cấp tiếp nhận bàn giao đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thuộc các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. - Đang hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.	Sở Xây dựng
5	Quản lý trật tự xây dựng; quản lý chất lượng công trình xây dựng	Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (thay thế Quyết định số 136/2025/QĐ-UBND ngày 13/10/2025)	Sở Xây dựng

Stt	Ngành, lĩnh vực	Văn bản của UBND tỉnh ban hành về việc quy định phân cấp quản lý (Số, ngày ban hành và trích yếu văn bản)	Cơ quan, đơn vị thống kê
6	Công nghiệp - thương mại	- Quyết định số 05/2026/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 ban hành quy định một số nội dung về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. - Đang hoàn thiện thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh.	Sở Công thương
7	Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp	Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ban hành quy định phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	BQL KKT và các KCN; BQL các KCN
8	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 quy định quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi; phân cấp quản lý và giao khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.	Sở NN&MT
9	Đất đai, tài nguyên khoáng sản	Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, phân quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.	Sở NN&MT
10	Cấp nước sạch	Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ngày 28/06/2026 quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.	Sở NN&MT
11	An toàn thực phẩm	Đã trình UBND tỉnh quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 54/TTr-ATTP ngày 05/6/2026 của Sở Y tế) - thay thế Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND	Sở Y tế
12	Văn hóa	Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 ban hành quy định quản lý di tích, di vật, cổ vật bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở VH TT & DL
13	Tổ chức bộ máy	Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 quy định về quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, tuyển dụng và sử dụng cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan hành chính tỉnh Hưng Yên.	Sở Nội vụ
14	Quản lý CBCCVC	Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 quy định về quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, tuyển dụng và sử dụng cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan hành chính tỉnh Hưng Yên. Đang nghiên cứu, tham mưu quy định quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc, tuyển dụng và sử dụng viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.	Sở Nội vụ
15	Quản lý vị trí việc làm	Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 quy định quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, tuyển dụng và sử dụng cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan hành chính tỉnh Hưng Yên.	Sở Nội vụ
16	Quản lý về hội, quỹ	Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 quy định về quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, tuyển dụng và sử dụng cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan hành chính tỉnh Hưng Yên.	Sở Nội vụ
17	Thi đua - khen thưởng	Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nội vụ